

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HS-ST
Ngày 09-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mã Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Phương Lâm.

Ông Nông Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn Th, sinh ngày 03 tháng 11 năm 1986 tại xã B, huyện Đ, tỉnh K.
Nơi cư trú: Xóm P, thị trấn T, huyện Ph, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 9/12 phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Triệu Thị Ng; có vợ là Hoàng Thị H1, sinh năm 1987 và 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không có;

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 12-10-2017 đến ngày 21-10-2017, cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21-10-2017 đến nay; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Phạm Văn T, sinh năm 1957, nơi cư trú: Thôn D, xã B, huyện Đ, tỉnh K; vắng mặt.

2. Hà Hữu Q, sinh năm 1973, nơi cư trú: Thôn Đ1, xã Q, huyện Đ, tỉnh K; vắng mặt.

3. Phùng Phúc N, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn Đ1, xã Q, huyện Đ, tỉnh K; vắng mặt.

4. Ma Văn T1, sinh năm 1981, nơi cư trú: Thôn Đ1, xã Q, huyện Đ, tỉnh K; vắng mặt.

5. Hà Hữu Tr, sinh năm 1965, nơi cư trú: Thôn Đ1, xã Q, huyện Đ, tỉnh K; vắng mặt.

6. Đặng Hữu H, sinh năm 1966, nơi cư trú: Thôn Đ1, xã Q, huyện Đ, tỉnh K; vắng mặt.

7. Phùng Phúc Ch, sinh năm 1976, nơi cư trú: Thôn Đ1, xã Q, huyện Đ, tỉnh K; vắng mặt.

8. Lèng Văn L, sinh năm 1989, nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện Đ, tỉnh K; vắng mặt.

9. Ma Văn A (*tên gọi khác: Ma Văn A1*), sinh năm 1965, nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện Đ, tỉnh K; vắng mặt.

10. Ma Văn C, sinh năm 1968, nơi cư trú: Thôn Đ1, xã Q, huyện Đ, tỉnh K; vắng mặt.

11. La Đại G, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện Đ, tỉnh K; vắng mặt.

12. Đặng Minh T2, sinh năm 1961, nơi cư trú: Thôn V, xã Q, huyện Đ, tỉnh K; vắng mặt.

13. Hoàng Đức A2, sinh năm 1971, nơi cư trú: Thôn N1, xã L1, huyện Đ, tỉnh K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012, Phạm Văn Th chuyển từ xã B, huyện Đ, tỉnh K đến cư trú tại xóm P, thị trấn T, huyện Ph, tỉnh Cao Bằng. Trong thời gian sinh sống tại thị trấn T, huyện P, Th thường xuyên sang Trung Quốc làm ăn, buôn bán và quen một người đàn ông Trung Quốc tên L1, không rõ họ, sinh năm 1986, nhà ở L2, Q1, Trung Quốc.

Cuối tháng 3-2017, Th sang Trung Quốc vào nhà L1 chơi, L1 nhờ Th tìm giúp khoảng 10 người Việt Nam sang cắt gỗ với giá tiền công là 65 NDT (sáu mươi năm nhân dân tệ)/ 1 shite gỗ (2 shite gỗ tương đương một mét khối gỗ), nếu làm được 01 shite thì Th được hưởng 20.000,0đ (hai mươi nghìn đồng), làm được 300 shite hoặc đủ một tháng thì người làm thuê sẽ được hỗ trợ tiền xe đi lại bên Trung Quốc, Th đồng ý tìm người cho L1. Khi về nhà Th gọi điện thoại cho bố là Phạm Văn T, sinh năm 1957, cư trú tại thôn D, xã B, huyện Đ, tỉnh K tìm giúp 10 người đàn ông lên Cao Bằng làm gỗ, tiền công 300.000,0đ (ba trăm nghìn đồng)/ 1 người/ 1 ngày và phải làm được 01m³ gỗ/ 1 ngày, ông T đồng ý và đến gặp Hà Hữu Q, sinh năm 1973, cư trú tại Thôn Đ1, xã Q, huyện Đ, tỉnh K nói với Q tìm khoảng 10 người lên Cao Bằng để làm gỗ tiền công là 300.000,0đ (ba trăm nghìn đồng)/ 1 người/ 1 ngày công, Q đồng ý, T đưa cho Q 40.000,0đ (bốn mươi nghìn đồng) mua thẻ điện thoại để liên lạc tìm người. Khi Q thông báo tìm được người thì T gọi điện thoại cho Th nói là đã tìm được 11 người. Khoảng 17 giờ ngày 01-5-2017, T đưa 11 người đi xe khách từ huyện Đ, tỉnh K lên Cửa khẩu T, huyện Ph, Cao Bằng. Trước khi lên xe, T đưa cho Q 1.500.000,0đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) để cho mọi người tạm ứng tiền công. Đến nơi, Th trả tiền xe cho Hoàng Đức A2 là 3.500.000,0đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng), sau đó Th đưa mọi người đi ăn và tìm chỗ nghỉ. Ngày 02-5-2017, T đi xe cùng A2 về huyện Đ, tỉnh K, còn 11 đi làm thuê nghỉ tại thị trấn T, huyện Ph. Khoảng 23 giờ đêm cùng ngày, Th đưa mọi người lên mảng vượt sông sang Trung Quốc không làm thủ tục xuất cảnh, trước khi đi Th nói rõ với mọi người là đi cắt gỗ bên Trung Quốc, mọi chi phí tàu xe, ăn uống đi lại nếu mọi người làm tốt, đủ thời gian một tháng thì sẽ được hỗ trợ và đảm bảo, nếu ông chủ Trung Quốc không trả tiền công thì Th sẽ trả và gọi điện cho L1 hẹn thời gian, địa điểm đến đón. Sang đến địa phận Trung Quốc thì một người bạn của L1 đi xe ô tô đến đón 11 người đến nơi làm gỗ. Trước khi lên xe Th cho Q 01 sim Trung Quốc để liên lạc, sau đó Th quay về Việt Nam theo đường cũ. Làm được khoảng 20 ngày thì T2 bị tai nạn không làm được nên cả nhóm đòi về, Th gọi điện thoại cho Q động viên mọi người ở lại nhưng mọi người không đồng ý nên L1 đã bảo Ng1 là bạn của L1 lấy xe ô tô đưa 11 người về khu vực Cửa khẩu T và gọi điện cho Th sang đón. Tại đây Ng1 đưa cho Th 4.600NDT (bốn nghìn sáu trăm nhân dân tệ), sau đó Th đưa mọi người về Việt Nam bằng đường tiểu ngạch và cũng không làm thủ tục nhập cảnh. Sáng hôm sau Th gọi xe khách đưa mọi người về K và Th đi theo xe ra thành phố C. Khi ở trên xe Th đưa cho Q 20.000.000,0đ (hai mươi triệu đồng) để trả tiền công cho mọi người, Th nói sẽ tính toán khối lượng và thanh toán cho mọi người sau. Khoảng ba

ngày sau L1 gọi Th sang Trung Quốc và cho người đưa cho Th 1.200 NDT (một nghìn hai trăm nhân dân tệ) số tiền công còn lại. Sau khi tính toán thấy không có lãi Th đã gọi điện thoại cho Q nói sẽ không thanh toán thêm tiền công cho mọi người nữa.

Do không được nhận đủ tiền công như đã thỏa thuận nên Hà Hữu Q và một số người được Th đưa sang Trung Quốc đã gửi đơn tố cáo Phạm Văn T và Phạm Văn Th đưa người sang Trung Quốc làm thuê không thanh toán đủ tiền công.

Tại phiên tòa, Phạm Văn Th đã khai nhận hành vi đưa người khác vượt biên giới sang Trung Quốc làm thuê không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của Nhà nước như đã nêu trên.

Những người làm chứng là Hà Hữu Q, Hà Hữu Tr, Phùng Phúc N, Ma Văn T1, Ma Văn A (A1), Đặng Hữu H, Phùng Phúc Ch, Lèng Văn L, Ma Văn C, La Đại G, Đặng Minh T1 là những người được Phạm Văn Th đưa sang Trung Quốc làm thuê khai tại cơ quan điều tra khi Phạm Văn T tìm người đi cắt gỗ cho biết lên cắt gỗ thuê tại khu vực cửa khẩu T, huyện Ph, tỉnh Cao Bằng, đến khi Phạm Văn Th đưa sang Trung Quốc thì họ mới biết họ được Th đưa sang Trung Quốc để cắt gỗ thuê. Còn người làm chứng Phạm Văn T khai tại Cơ quan điều tra việc ông đi tìm người cắt gỗ thuê là do Th gọi điện thoại cho đi tìm, ông không biết Th đưa mọi người đi đâu lao động làm thuê.

Tại bản Cáo trạng số: 01/CTr-VKSCB(P1) ngày 11-01-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Phạm Văn Th về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 275 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Kết thúc việc hỏi tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Phạm Văn Th về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 275, điểm g, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt: Phạm Văn Th tù 02 năm đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu phát mại lấy tiền sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam sung đã qua sử dụng.

Bị cáo Phạm Văn Th trình bày lời bào chữa cho rằng do bản thân không có việc làm ổn định nên đã vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật. Trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn Th và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Văn Th hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án như: Đơn tố giác của ông Hà Hữu Tr gửi Công an xã Q, huyện Đ, tỉnh K ngày 03-7-2017; Đơn tố cáo của ông Hà Hữu Q, Đơn tố giác của ông Đặng Hữu H gửi Công an xã Q, huyện Đ, tỉnh K ngày 04-7-2017 về việc ông Phạm Văn T đi tìm và đưa Hà Hữu Q, Hà Hữu Tr, Đặng Hữu H cùng một số người khác từ huyện Đ, tỉnh K lên Cửa khẩu T, huyện Ph, tỉnh Cao Bằng để cắt gỗ thuê với tiền công 300.000 đồng/ 1 người/ 1 ngày, sau đó Phạm Văn Th là con trai của ông Phạm Văn T đã đưa ông Hà Hữu Q, Hà Hữu Tr, Đặng Hữu H và 08 người khác cùng cư trú tại xã Q, huyện Đ, tỉnh K sang Trung Quốc làm thuê nhưng không trả đủ tiền công; phù hợp với lời khai của Hà Hữu Q, Hà Hữu Tr, Phùng Phúc N, Ma Văn T1, Ma Văn A (A1), Đặng Hữu H, Phùng Phúc Ch, Lèng Văn L, Ma Văn C, La Đại G, Đặng Minh T2 và Phạm Văn T tại Cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của Phạm Văn Th tại phiên tòa cũng hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra về động cơ, mục đích, thời gian, địa điểm cũng như cách Th đưa 11 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê.

Từ các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã có đủ căn cứ kết luận Phạm Văn Th đã có hành vi tổ chức đưa người khác vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc làm thuê với động cơ, mục đích là nếu thời tiết thuận lợi, người làm thuê làm đủ ngày công và khối lượng theo yêu cầu, sau khi trừ các khoản chi phí thì bị cáo sẽ được hưởng 20.000,0đ (hai mươi nghìn đồng)/ 01 shite gỗ khai thác được. Việc đưa người sang Trung Quốc của Phạm Văn Th không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh đã có đủ yếu tố cấu thành

tội phạm về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 275 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Phạm Văn Th về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 275 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của Phạm Văn Th đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh nên cần xử lý theo quy định của pháp luật để làm gương cho người khác và phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo Phạm Văn Th có nhân thân tốt, thể hiện ở việc bị cáo không có tiền án, tiền sự, chưa có lần nào bị kết án hoặc xử phạt hành chính. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có 02 tình tiết giảm nhẹ là phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm g và điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 nên cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Do bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo thành người công dân lương thiện có ích cho xã hội nên không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát và giáo dục vẫn bảo đảm tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với vai trò, tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo nên cần chấp nhận.

[4] Việc xử lý vật chứng:

Vật chứng của vụ án là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung, đã qua sử dụng. Đây là phương tiện Phạm Văn Th dùng để liên lạc thực hiện hành vi tội phạm nên tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo Phạm Văn Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn Th phạm tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”.

Áp dụng khoản 1 Điều 275; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt: Phạm Văn Th 02 (hai) năm tù nhưng cho

hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án 09-02-2018. Giao bị cáo Phạm Văn Th cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Ph, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp Phạm Văn Th thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Việc xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu phát mại lấy tiền sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung, đã qua sử dụng, vỏ máy màu vàng, số IMEL: 352566071831xxx, kèm theo 01 sim Viettel.

Xác nhận vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 14 ngày 22 tháng 12 năm 2017.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Văn Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000,0đ (hai trăm nghìn đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Văn Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng PC 45 Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mã Văn Quân

